

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 41/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 26/6/2020.
V/v: Tranh chấp không công nhận là
vợ chồng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phụng Diễm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Hồng Khuyên.
2. Bà Triệu Thị Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Lan Anh – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Bảng – Kiểm sát viên.

Ngày 26/6/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 165/2020/TLST-HNGĐ ngày 29/4/2020 về tranh chấp không công nhận là vợ chồng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/6/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Y sinh năm 1994; Cư trú tại: Thôn M, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. *Bị đơn:* Bà C sinh năm 1999; Cư trú tại: Số 32, thôn M, xã Q, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Y:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà C chung sống với nhau từ tháng 7/2016, có tổ chức đám hỏi nhưng không tổ chức đám cưới và không đăng ký kết hôn. Ông và bà C chung sống với nhau tại nhà cha mẹ bà C tại thôn M, xã Q, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Thời gian đầu ông và bà C chung sống hạnh phúc, đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do quan điểm sống của hai người

khác nhau dẫn đến thường xuyên cãi vã. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận ông với bà C là vợ chồng.

- Về con chung: Ông và bà C có 01 con chung R, sinh ngày 17/02/2018, hiện cháu đang chung sống với mẹ, ông yêu cầu giao con cho bà C nuôi cho đến ngày thành niên.

- Về cấp dưỡng: Ông không đồng ý cấp dưỡng nếu bà C có yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông và bà C không có tài sản chung, không có nợ chung, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của bị đơn bà C:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Y chung sống với nhau như ông Y trình bày là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn là sau khi bà sinh con được hai tháng thì vợ chồng cãi vã về khoản tiền 10.000.000 đồng mà cả hai dùng để chăm sóc con và đầu tư vào vườn cà phê mà bố mẹ bà cho bà. Bà xác định tình cảm vẫn còn nên bà có yêu cầu đoàn tụ gia đình.

- Về con chung: Bà và ông Y có 01 con chung như ông Y trình bày. Nếu không chung sống với nhau thì bà yêu cầu nuôi con chung đến ngày con chung thành niên.

- Về cấp dưỡng: Bà yêu cầu ông Y cấp dưỡng nuôi con chung 500.000 đồng/tháng, cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 6/2020 đến ngày con chung thành niên.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà và ông Y không có tài sản chung, không có nợ chung, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đồng ý cấp dưỡng nuôi con 500.000 đồng/tháng. Bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến của mình, đối với quan hệ hôn nhân thì đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn,

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Trọng phát biểu: Việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã đúng thành phần và thực hiện các yêu cầu về trình tự thủ tục từ khai mạc phiên tòa, thủ tục xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa sơ thẩm đúng trình tự quy định; Thư ký tuân thủ đúng quy định. Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình; Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Y, không công nhận ông Y với bà C là vợ chồng; về con chung giao cho bà C nuôi dưỡng và buộc ông Y cấp dưỡng nuôi con theo quy định; về tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc tranh chấp không công nhận là vợ chồng giữa nguyên đơn ông Y với bị đơn bà C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

[2] Về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Y với bà C chung sống với nhau từ khoảng tháng 7/2016, có tổ chức đám hỏi nhưng không tổ chức đám cưới và không đăng ký kết hôn. Ông Y và bà C chung sống với nhau tại nhà cha mẹ của bà C tại thôn M, xã Q. Theo ông Y, thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến tháng 12/2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do quan điểm sống của hai người khác nhau, gia đình bà C cho rằng ông lười lao động dẫn đến thường xuyên cãi vã. Ông yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận ông với bà C là vợ chồng. Còn theo bà C, nguyên nhân mâu thuẫn là sau khi bà sinh con được hai tháng thì vợ chồng cãi vã về khoản tiền 10.000.000 đồng mà cả hai dùng để chăm sóc con và đầu tư vào vườn cà phê mà bố mẹ cho bà, ông Y yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận ông bà là vợ chồng bà đồng ý. Xét thấy, ông Y và bà C sống với nhau từ tháng 7/2016 nhưng không có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa ông Y và bà C không được pháp luật công nhận, ông Y và bà C đã không còn chung sống với nhau, không còn sự quan tâm, chăm sóc, trách nhiệm đối với nhau. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận ông Y với bà C là vợ chồng.

2.2. Về con chung: Ông Y và bà C có 01 con chung R, sinh ngày 17/02/2018, hiện cháu đang chung sống với mẹ. Ông Y và bà C đều thống nhất giao con chung cho bà C nuôi dưỡng cho đến ngày thành niên. Sự thỏa thuận của các bên phù hợp với quy định của pháp luật nên được công nhận.

2.3. Về cấp dưỡng: Bà C yêu cầu ông Y cấp dưỡng nuôi con chung 500.000 đồng/tháng, cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng từ ngày bản án có hiệu lực đến ngày con chung thành niên. Xét thấy, người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên bà C yêu cầu ông Y cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ chấp nhận, tại phiên tòa ông Y đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung. Do đó, buộc ông Y phải cấp dưỡng nuôi con chung 500.000 đồng/tháng, cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực đến ngày con chung thành niên.

2.4. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Y và bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung; Ông Y và bà C không có nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Buộc ông Y phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình về yêu cầu không công nhận là vợ chồng và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Y. Tuyên bố không công nhận ông Y với bà C là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu R, sinh ngày 17/02/2018 cho bà C tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến ngày con chung thành niên.

3. Buộc ông Y cấp dưỡng nuôi con chung tên R, sinh ngày 17/02/2018 số tiền 500.000 đồng/tháng, phương thức cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến ngày con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định Luật Hôn nhân và gia đình.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Buộc ông Y phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình, ông Y đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2017/0000061 ngày 29/4/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ được chuyển thu. Ông Y còn phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS huyện Đ;
- THADS huyện Đ;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- Lưu AV, HS.

Lê Thị Phụng Diễm

